

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN - TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

**THÔNG TƯ liên tịch số 69/2000/TTLT/
BNN-TCTK ngày 23/6/2000 hướng
dẫn tiêu chí để xác định kinh tế
trang trại.**

Trong những năm gần đây kinh tế trang trại phát triển mạnh ở hầu khắp các địa phương trong cả nước, hình thành mô hình sản xuất mới trong nông nghiệp và nông thôn nước ta. Do chưa có quy định thống nhất của các Bộ, ngành Trung ương về tiêu chí trang trại nên các địa phương tự đặt ra những tiêu chí về trang trại dựa vào tính chất sản xuất hàng hóa, quy mô về diện tích đất đai, đầu gia súc, v.v... để thống kê về số liệu kinh tế trang trại của địa phương, vùng nên số liệu thống kê về kinh tế trang trại chưa thật chuẩn xác, ranh giới giữa kinh tế hộ nông dân và kinh tế trang trại không rõ ràng, khó khăn cho việc đánh giá thực trạng và xây dựng các chính sách đối với kinh tế trang trại. Chính phủ đã có Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/2/2000 về kinh tế trang trại. Thi hành Nghị quyết của Chính phủ, liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Thống kê quy định hướng dẫn tiêu chí về kinh tế trang trại như sau:

**I. CÁC ĐỐI TƯỢNG VÀ NGÀNH SẢN XUẤT
ĐƯỢC XEM XÉT ĐỂ XÁC ĐỊNH LÀ
KINH TẾ TRANG TRẠI**

Hộ nông dân, hộ công nhân viên Nhà nước và lực lượng vũ trang đã nghỉ hưu, các loại hộ thành thị và cá nhân chuyên sản xuất (bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản) hoặc sản xuất nông nghiệp là chính, có kiêm nhiệm các hoạt động dịch vụ phi nông nghiệp ở nông thôn.

**II. CÁC ĐẶC TRƯNG CHỦ YẾU CỦA
KINH TẾ TRANG TRẠI**

1. Mục đích sản xuất của trang trại là sản xuất nông, lâm, thủy sản hàng hóa với quy mô lớn.

2. Mức độ tập trung hóa và chuyên môn hóa các điều kiện và yếu tố sản xuất cao hơn hẳn (vượt trội) so với sản xuất của nông hộ, thể hiện ở quy mô sản xuất như: đất đai, đầu con gia súc, lao động, giá trị nông lâm thủy sản hàng hóa.

3. Chủ trang trại có kiến thức và kinh nghiệm trực tiếp điều hành sản xuất, biết áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất; sử dụng lao động gia đình và thuê lao động bên ngoài sản xuất hiệu quả cao, có thu nhập vượt trội so với kinh tế hộ.

**III. TIÊU CHÍ ĐỊNH LƯỢNG ĐỂ XÁC ĐỊNH
LÀ KINH TẾ TRANG TRẠI**

Một hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản được xác định là trang trại phải đạt được cả hai tiêu chí định lượng sau đây:

1. Giá trị sản lượng hàng hóa và dịch vụ bình quân 1 năm:

- Đối với các tỉnh phía Bắc và Duyên hải miền Trung từ 40 triệu đồng trở lên;

- Đối với các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên từ 50 triệu đồng trở lên.

2. Quy mô sản xuất phải tương đối lớn và vượt trội so với kinh tế nông hộ tương ứng với từng ngành sản xuất và vùng kinh tế.

a) Đối với trang trại trồng trọt.

(1) Trang trại trồng cây hàng năm:

+ Từ 2 ha trở lên đối với các tỉnh phía Bắc và Duyên hải miền Trung;

+ Từ 3 ha trở lên đối với các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên.

(2) Trang trại trồng cây lâu năm:

+ Từ 3 ha trở lên đối với các tỉnh phía Bắc và Duyên hải miền Trung;

+ Từ 5 ha trở lên đối với các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên;

+ Trang trại trồng hồ tiêu 0,5 ha trở lên.

(3) Trang trại lâm nghiệp:

Từ 10 ha trở lên đối với các vùng trong cả nước.

b) Đối với trang trại chăn nuôi.

(1) Chăn nuôi đại gia súc: trâu, bò, v.v...:

+ Chăn nuôi sinh sản, lấy sữa có thường xuyên từ 10 con trở lên;

+ Chăn nuôi lấy thịt có thường xuyên từ 50 con trở lên.

(2) Chăn nuôi gia súc: lợn, dê, v.v...:

+ Chăn nuôi sinh sản có thường xuyên đối với hơn 20 con trở lên, đối với dê, cừu từ 100 con trở lên;

+ Chăn nuôi lợn thịt có thường xuyên từ 100 con trở lên (không kể lợn sữa), dê thịt từ 200 con trở lên.

(3) Chăn nuôi gia cầm: gà, vịt, ngan, ngỗng, v.v... có thường xuyên từ 2000 con trở lên (không tính số đầu con dưới 7 ngày tuổi).

c) Trang trại nuôi trồng thủy sản.

Diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản có từ 2 ha trở lên (riêng đối với nuôi tôm thịt theo kiểu công nghiệp từ 1 ha trở lên).

d) Đối với các loại sản phẩm nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản có tính chất đặc thù như: trồng hoa, cây cảnh, trồng nấm, nuôi ong, giống thủy sản và thủy đặc sản, thì tiêu chí xác định là giá trị sản lượng hàng hóa (tiêu chí 1).

IV. TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Dựa vào những tiêu chí quy định trong Thông tư này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các ngành, các cấp dưới sự hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục Thống kê tỉnh soát xét các mô hình tổ chức sản xuất nông, lâm, thủy sản của tỉnh, thành phố để điều tra xác định đúng số lượng và loại hình về các trang trại của địa phương mình phù hợp với quy định của Thông tư này.

2. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các quy định khác về kinh tế trang trại trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Các Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thống kê, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn
Thứ trưởng

CAO ĐỨC PHÁT

KT. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê
Phó Tổng cục trưởng

LÊ MẠNH HÙNG

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 49/2000/TT-BTC ngày 31/5/2000 hướng dẫn thi hành Nghị định số 15/2000/NĐ-CP ngày 09/5/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 90/1999/NQ-UBTVQH10 ngày 03/9/1999 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng và thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số hàng hóa dịch vụ và sửa đổi, bổ sung một số quy định về thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng, Nghị quyết